

DANH SÁCH¹

**Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc,
tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Tính đến ngày 23/3/2022)**

A. DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

Tổng số giám định viên tư pháp trên địa bàn tỉnh là 138 người. Trong đó, 27 giám định viên tư pháp được bổ nhiệm trong năm 2021. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Sinh ngày	Quyết định bổ nhiệm GĐV tư pháp/ Quyết định bổ nhiệm và cấp Thẻ GĐV tư pháp	Lĩnh vực giám định	Nơi công tác	Số Thẻ Giám định viên tư pháp (.../GĐVTP/ UBND-ĐL)
I	GIÁM ĐỊNH VIÊN PHÁP Y/PHÁP Y TÂM THẦN					
1.	Bùi Bình Trung	03/02/1974	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk (Giám đốc)	390106
2.	Trương Lê Thanh	25/7/1986	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk	390107

¹ Sở Tư pháp tổng hợp Danh sách theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 và Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk

3.	Lê Đình Mẫn	01/02/1964	Số 858/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk	390108
4.	Y AuBert Mlô	23/02/1967	Số 188/QĐ-UBND ngày 22/01/2020	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk	390109
5.	Đặng Sơn Đáng	14/6/1961	Số: 2594/QĐ-UBND ngày 16/10/2000	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390110
6.	Nguyễn Quang Thanh	12/10/1987	Số: 250/QĐ-UBND ngày 07/02/2017	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390111
7.	Nguyễn Quang Hạnh	29/01/1991	Số 2351/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390001
8.	Đỗ Xuân Lộc	06/9/1965	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Ea Kar	390112
9.	Bùi Khắc Hùng	08/01/1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Krông Pắc	390113
10.	Y Kiêm Tơ	20/5/1970	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Ea Súp	390114
11.	Nguyễn Như Khánh	19/5/1962	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Lắk	390115
12.	Nguyễn Văn Đệ	25/10/1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Ea H'leo	390116
13.	Bùi Nam Ôn	03/02/1964	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar	390117
14.	Nguyễn Đại Phong	02/10/1962	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Pháp y	Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	390118
15.	Trần Thuận	02/02/1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	390119

16.	Trịnh Đức Lam	25/3/1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Cư Kuin	390120
17.	Lại Quang Miễn	10/8/1962	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Pháp y	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột	390121
18.	Châu Dương	10/9/1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	390122
19.	Ngô Quang Vinh	15/01/1965	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện M'Đrăk	390123
20.	Phạm Xuân Thuỷ	13/8/1968	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện M'Đrăk	390124
21.	Hồ Đức Châu	02/9/1964	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Krông Năng	390125
22.	Nguyễn Phú Đức	31/12/1971	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Krông Bông	390126
23.	Bùi Công Sự	05/01/1964	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Krông Ana	390127
24.	Nguyễn Văn Mạnh	08/4/1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Krông Pắc	390128
25.	Y Thoan Ê Ban	01/6/1975	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế huyện Ea H'leo	390129
26.	Đoàn Sỹ Hoàng	10/11/1963	Số: 591/QĐ-UBND ngày 30/6/2004	Pháp y	Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	390130
II	GIÁM ĐỊNH VIÊN KỸ THUẬT HÌNH SỰ					
1.	Võ Chí Long	07/10/1968	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390021
2.	Phạm Anh Đức	01/8/1987	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390022

3.	Ngô Đức Thiện	15/11/1978	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	KTHS/Sinh học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390023
4.	Đặng Thị Thái Mỹ	11/02/1990	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Sinh học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390024
5.	Nguyễn Duy Hùng	03/9/1984	Số: 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390025
			Số: 1907/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Dấu vết đường vân		
6.	Hà Thị Hằng	30/4/1983	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390026
7.	Nguyễn Đình Huân	30/11/1987	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390027
8.	Nguyễn Quốc Tuấn	21/4/1986	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390028
9.	Nguyễn Thị Thúy Phương	27/7/1980	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	KTHS/Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390029
10.	Lê Khắc Nguyên	26/8/1987	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	KTHS/Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390030
11.	Nguyễn Bá Hoàn	12/8/1980	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	KTHS/Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390031
12.	Trần Hoàng Việt	11/3/1989	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Kỹ thuật	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390032
			Số: 1910/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Kỹ thuật số và điện tử		
13.	Võ Ngọc Thắng	26/3/1987	Số: 1454/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	KTHS/Kỹ thuật	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390033

14.	Trịnh Hùng Chiến	23/02/1984	Số: 1908/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390034
15.	Đinh Thị Hồng Thu	21/10/1992	Số: 1909/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390035
16.	Nguyễn Hoàng Dũng	15/9/1984	Số: 1911/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390036
17.	Huỳnh Ngọc Ánh	07/9/1994	Số: 2794/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	KTHS/Tài liệu, Dấu vết cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	390132
18.	Nguyễn Thanh Liêm	19/12/1961	Ngày 31/10/1992	KTHS/Đường vân	Đã có kết quả thẩm định của Sở Tư pháp thống nhất đề nghị của Công an tỉnh để trình UBND tỉnh quyết định miễn nhiệm Giám định viên tư pháp	
19.	Nguyễn Văn Chiến	05/01/1960	Số: 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	KTHS/Dấu vết cơ học		
20.	Cao Tiến Trung	12/10/1980	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	KTHS/Tài liệu		
III	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
1.	Y-Kô Niê	17/12/1962	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đoàn Ca múa Dân tộc	390037
2.	Trần Hùng	09/12/1963	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bảo tàng Đắk Lắk	390038
3.	Phạm Mạnh Cường	07/8/1978	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đoàn Ca múa Dân tộc	390039
IV	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
1.	Huỳnh Phú Tài	10/5/1969	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính	Phòng Quản lý Giá và Công sản - Sở Tài chính	390042
2.	Phạm Thông	30/11/1962	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính	Phòng Thanh tra - Sở Tài chính	390043
3.	Phùng Thị Phượng	28/02/1975	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính	390133

4.	Nguyễn Thế Diễm	01/8/1981	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng Tài chính - Hành chính sự nghiệp - Sở Tài chính	390134
5.	Thái Trần Thành	18/10/1983	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng Quản lý Ngân sách - Sở Tài chính	390135
6.	Mai Xuân Sinh	21/3/1987	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng tài chính Đầu tư - Sở Tài chính	390136
7.	Trần Thụy Ánh Kiều	18/9/1985	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng Thanh tra - Sở Tài chính	390137
V	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG					
1.	Phạm Văn Lập	28/9/1975	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Xây dựng	Giám đốc Sở Xây dựng	390044
2.	Nguyễn Minh Đạt	06/7/1974	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Xây dựng	Chi cục Giám định Xây dựng - Sở Xây dựng	390045
VI	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
1.	Nguyễn Văn Thảo	19/01/1980	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Thủy sản	390046
2.	Nguyễn Quốc Hùng	13/3/1966	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Thủy lợi	390047
3.	Y Định K'Buôr	16/10/1963	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390048
4.	H'Blun Niê	04/4/1974	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	390049

5.	Nguyễn Thanh Dũng	17/6/1978	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390050
6.	Nguyễn Hải Quế	02/7/1972	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390051
7.	Quách Đình Trúc	14/5/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390052
8.	Trần Quốc Hoan	17/12/1981	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390053
9.	Trần Văn Tùng	12/02/1984	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390054
10.	Lê Hữu Sơn	05/11/1977	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390055
11.	Phạm Duy Mẫn	25/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390056
12.	Quách Trung Hiếu	30/01/1980	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390057
13.	Lê Thanh Khánh	11/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390058

14.	Ninh Văn Vịnh	14/9/1970	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390059
15.	Đặng Văn Tính	19/4/1975	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390060
16.	Bùi Tiến Hoàng	02/10/1968	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390061
17.	Phạm Ngọc Quang	15/8/1983	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390062
18.	Mai Ngọc Sơn	04/8/1973	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390063
19.	Chung Quý Bình	16/7/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390064
20.	Nguyễn Thái Hưng	20/01/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390065
21.	Huỳnh Văn Bin	16/3/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390066
22.	Hoàng Danh Văn	05/01/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390067

23.	Ngô Văn Tùng	14/6/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390068
24.	Lê Trọng Nghĩa	30/9/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390069
25.	Lê Hưng	03/7/1977	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390070
26.	Nguyễn Thanh Tuấn	16/02/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390071
27.	Nguyễn Quang Trung	23/01/1980	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390072
28.	Bùi Xuân Long	22/9/1984	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390073
29.	Văn Phú Quang	16/02/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390074
30.	Nguyễn Hải Đường	02/12/1978	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390075
31.	Nguyễn Văn Hiền	05/05/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390076

32.	Trương Văn Ty	24/8/1986	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390077
33.	Hồ Văn Lành	11/11/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390078
34.	Trần Đức Hóa	09/5/1985	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 ²	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390002
35.	Nguyễn Đức Ngọc	02/02/1986	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390003
36.	Đoàn Mạnh Hoàn	21/10/1982	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390004
37.	Hồ Sỹ Dục	26/6/1982	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390005
38.	Triệu Văn Truyền	03/9/1988	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390006

² Quyết định này được đính chính một số thông tin về ngày sinh của giám định viên tư pháp tại Công văn số 11071/UBND-TH ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh

39.	Hoàng Anh Kiệt	26/2/1982	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390007
40.	Y Khuyên Niê Kdăm	27/12/1979	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390008
41.	Huỳnh Văn Hùng	10/02/1990	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390009
42.	Võ Tấn Hồng	28/4/1978	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390010
43.	Hoàng Quốc Thư	15/2/1988	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390011
44.	Y Zôn Niê	25/8/1986	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390012
45.	Trịnh Ngọc Trí	10/8/1980	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390013
46.	Trần Duy Hoàng	22/10/1985	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390014

47.	Trần Thiên Văn	10/01/1987	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390015
48.	Phan Thanh Thuần	20/8/1978	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390016
49.	Hà Đình Trai	08/4/1984	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390017
50.	Trần Vũ Quang	17/02/1981	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390018
51.	Thái Khắc Dũng	28/12/1984	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390019
52.	Đỗ Thiên Long	07/07/1973	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	390020
VII GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG						
1.	Nguyễn Hoàng Dưỡng	09/4/1967	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	390079
2.	Huỳnh Sự	10/10/1983	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	390080

3.	Phạm Thị Minh Huệ	23/4/1987	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh - Văn phòng UBND tỉnh	390081
4.	Vũ Ngọc Anh Quyên	01/01/1981	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Thông tin và truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	390082
5.	Nguyễn Công Bấy	11/02/1963	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Thanh tra - Sở Thông tin và Truyền thông	390083
6.	Võ Xuân Quang	01/11/1977	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Thông tin và truyền thông	Phòng Bưu chính Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông	390084
7.	Diệp Quốc Phú	25/12/1977	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Bưu chính Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông	390085
8.	Nguyễn Ngọc Đích	02/9/1975	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	390086
9.	Phạm Đức Nghị	08/4/1971	Số 661/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	Thông tin và truyền thông	Phòng Thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông	390087
10.	Ngô Xuân Hoà	08/11/1984	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Bưu chính Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông	390088
11.	Nguyễn Sơn Thành	24/01/1979	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Thông tin và Truyền thông	390089
12.	Hà Văn Dũng	23/02/1971	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Thông tin và truyền thông	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	390090

13.	Bùi Minh Long	03/4/1982	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	390091
14.	Phạm Công Hiến	01/4/1982	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	390092
15.	Trần Xuân Tiệp	26/12/1980	Số 661/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	Thông tin và truyền thông	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	390093
16.	Nguyễn Đình Chiêu	18/8/1981	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Thông tin và Truyền thông	390094
17.	Võ Nguyễn Hoàng Nam	08/10/1975	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Thông tin và Truyền thông	390095
18.	Đỗ Việt Hoà	24/9/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Thông tin và Truyền thông	390096
19.	Phùng Thị Thơm	03/11/1986	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Thông tin và Truyền thông	390097
20.	Trần Duy Tân	16/5/1978	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh	390098

					- Sở Thông tin và Truyền thông	
21.	Đinh Hồng Lâm	26/02/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Thông tin và Truyền thông	390099
22.	Châu Hoà Khánh Tâm	01/01/1985	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Thông tin và Truyền thông	390100
VIII	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG					
1.	Lê Trần Tự	14/7/1966	Ngày 11/3/2011	Công thương	Phòng Quản lý năng lượng - Sở Công thương	390101
2.	Võ Đình Đoan	03/7/1963	Ngày 11/3/2011	Công thương	Văn phòng Sở Công thương	390102
3.	Trần Trọng Lưu	12/6/1974	Ngày 11/3/2011	Công thương	Phòng Quản lý thương mại - Sở Công thương	390103
IX	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
1.	Cao Quang Diễn	02/8/1967	Ngày 11/3/2011	Tài nguyên và Môi trường	Phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường	390104
2.	Đào Thị Xuân Hoa	01/8/1976	Ngày 11/3/2011	Tài nguyên và Môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	390105
3.	Nguyễn Đình Thoại	28/12/1976	Số 2793/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	Tài nguyên và Môi trường	Phòng Đăng ký thống kê - Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường	390131

B. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC: 0**C. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**

Tên tổ chức	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Quyết định công bố tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm	Hoạt động giám định tư pháp
Trung tâm Kiểm định xây dựng	Số 05 Đồng Khởi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (địa chỉ cũ: Số 15 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) Điện thoại: 02623.859.793 Fax: 02623.859793	Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 18/01/1997 của UBND tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk	Dân dụng - Công nghiệp	Từ năm 1997 đến nay	- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng; - Chất lượng thiết kế xây dựng công trình; - Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng; - Chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.
Chi cục Kiểm lâm	Số 49 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma	Quyết định số 698/QĐ-BLN ngày 13/11/1976	Quyết định số 711/QĐ-	Lâm nghiệp	46 năm	- Tuân thủ các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp. - Chủng loại, khối lượng gỗ,

	Thuộc, tỉnh Đắk Lắk	của Bộ Lâm nghiệp và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk	UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk			trạng thái, loại rừng... trong các vụ vi phạm về phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. - Trọng lượng, tên, nhóm loài các cá thể động vật hoang dã.
--	---------------------	---	--	--	--	---